

Hồi Ký

“ẮC-Ê”...

THĂNG Ờ, THĂNG VỀ

Ngũ Viên

Cách nay vừa đúng năm mươi chín năm (1954-2013), chúng tôi đủ hình hài dáng vẻ, đủ thành phần và lớp tuổi cũng chênh nhau ít ra là ba, bốn tuổi, ào ạt đổ về thành phố mệnh mông nắng.

Chúng tôi xếp hàng cọc cạch, nhìn ngang như một bức tranh lập thể. Ngày ấy lớp học sinh “di cư” phần đông thuộc con cái những người ra đi chỉ có hai bàn tay trắng, nên quần áo, tóc tai, giày dép chúng tôi mang có thể nói “có gì sài đó”. Chính vì thế mà sau này khi đã thân quen, những sức danh, được đặt cho bạn bè qua hình dáng đã đi theo trong lớp đồng môn chúng tôi đến cuối cuộc đời. Chẳng hiểu các bạn tôi được “phong” như thế có giận tác giả phổ biến cái tên mã hóa ấy cho mình không chứ riêng tôi, thì đến bây giờ tôi vẫn yêu quý cái sức danh mà đồng môn Dương Kiên đã đặt cho tôi. Bởi cái tên ấy đã đánh dấu cả quãng đời nghèo khổ của bố mẹ tôi, vẫn cố lo cho anh em chúng tôi được cấp sách đến trường. Chắc các bạn cũng

hiều được rằng, trên cơ thể chúng ta, cái mà nó phát triển nhanh giống như cỏ dại, thì đấy là tóc. Và thời kỳ ấy chỉ cần có năm cắt là đầu tôi có thể ủ nhẵn như đầu sư cụ... Song năm cắt đã là khó kiếm. Ban đêm hay lúc ở nhà tôi cho “đám cỏ dại” ấy uốn gọn vào trong chiếc mũ nồi (Béret), một tàn dư tư bản chống lạnh của mùa đông miền Bắc – mà tôi đã đội nó trên suốt con đường biển vào Nam. Nhờ vậy mà tóc tôi cúp vào rất gọn, cứ như là mớ tóc của các nhà quý tộc trong vở bi kịch Le Cid của Pierre Corneille nếu được vuốt xuôi xuống. Và quả thật trong giờ nhạc của thầy Thiên Phụng; cái giờ mà chúng tôi được thỏa thuê vui nhất. Tôi thấy hai bàn tay của tên Dương Kiên ngồi bàn sau, vuốt tóc tôi cho duỗi ra và nó phong sức danh cho tôi là Ba Cụt – cái tên mà lúc đó tướng Ba Cụt Lê Quang Vinh của Hòa hảo bị tuyên án tử hình. Cũng may dạo ấy, Ban giám đốc nhà trường (sau 75 gọi là Ban giám hiệu) cho đến các thầy tôi vẫn còn đang trong thời kỳ “ổn định trường lớp” nên các vấn đề tóc, tai quần áo chưa phải là vấn đề tiên quyết. Bởi vì chúng tôi từ các lớp tiểu học cho đến trung học di cư đều phải đi học “ké” các trường vào buổi trưa từ mười một giờ cho đến 14 giờ hoặc vào buổi tối nơi các trường mà thời khóa biểu đã cố định. Điều đó cũng đúng thôi vì làm sao xây trường, xây lớp cho kịp với nhu cầu ào ạt trước mắt. Sau này nghĩ lại, chúng tôi càng thấy công ơn vất vả của các người thầy. Dạo ấy, cái năm năm tư ấy chúng tôi học “ké” buổi trưa tại trường Trương Minh Ký (sau này gọi là Nguyễn Thái Học) trên đường Trần Hưng Đạo (sau 75 gọi là Trần Hưng Đạo A, còn từ ngã tư Nancy vào Chợ Lớn gọi là Trần Hưng Đạo B) điều này làm người ta hiểu nhầm là có hai vị tướng họ Trần trùng tên. Chẳng hiểu ông A hay ông B có công đánh quân xâm lược Mông Nguyên chạy không còn manh giáp. May

mà người ta, nếu có đi kiếm nhà nhau trên cùng một con đường này họ cũng chỉ đi theo quán tính ít khi quan tâm đến ngã tư nào là ông A hết nhà để sang đất ông B.

Lại trở lại năm học đầu tiên di cư ấy, chúng tôi có danh hiệu là học sinh trường Nguyễn Trãi. Còn các anh học từ đệ tam (lớp 10) lên đến đệ nhất (lớp 12) học nhờ ở trường Pétrus Ký với danh hiệu là học sinh Chu Văn An. Đây là tên hai trường trung học nổi tiếng ở Hà Nội ngày xưa. Năm ấy tôi được xếp vào lớp đệ ngũ B1 và học buổi trưa. Tôi gặp lại Đỗ X. Thắng – Phạm Trọng Sách – Phạm Gia Định – Phan Kim Thịnh và Phạm Quốc Trường, Nguyễn Tự Chi... là những thằng học cùng trường Nguyễn Khuyến với tôi ở Nam Định. Còn thi toàn là những bộ mặt lạ hoắc. Vài thằng “mặt trắng môi son”, chắc gia đình khá giả, còn toàn là bộ mặt “đồng chua nước mặn cả”. Năm ấy hai môn chủ yếu là môn toán được thầy Nguyễn Đức Kim dạy, môn văn được thầy Nguyễn Như Cương phụ trách. Thầy Cương có mái tóc chải ngược từ trước ra sau để hai cánh gà hai bên tai. Thầy vừa hút thuốc vừa giảng bài với giọng trầm bổng lôi cuốn. Khi dạy tới tác phẩm “Chinh phụ ngâm” thì hầu như cả lớp im phăng phắc. Chúng tôi có thằng há miệng nhìn theo khói thuốc bay trên bàn tay thầy, thả hồn theo lời thầy:

*“Trống trường thành lung lay bóng nguyệt
“Khói Cam Tuyền mờ mịt thức mây...”*

Nhưng đến năm sau thầy Kim đổi về Đà Lạt và thầy Cương về dạy ở trường Quốc Gia Hành chánh. Song có lẽ dư âm và lời giảng đầy sức mê hoặc của thầy đã thúc đẩy nhiều bạn đồng môn của chúng tôi năm sau vừa đậu bằng trung học đã rủ nhau làm: “Tráng sĩ hê một đi không trở lại”, trong các quân trường vùng cao nguyên xanh thẳm.

Đây là tôi suy luận ra từ văn chương lãng mạn chứ thực ra lớp tuổi chúng tôi dạo đó, đến hai phần ba lớp là bắt cặp so với cấp học. Nên có theo lên nữa cũng dở dang vì bị kêu nhập ngũ nữa chùng. Thà đi trước lên lon trước, làm quan ở một thời không có chiến tranh thì chẳng sợ sẽ thành thương binh, tử sĩ.

Tuy thế cũng có đồng môn không thực hiện được hoài bão của mình như lời thơ: “Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt, xếp bút nghiên theo việc đao cung”, vì thiếu thước tấc hoặc nhẹ cân. Đó là thời gian bọn chúng tôi rời trường Nguyễn Trãi lên học ở Chu Văn An (1957 – 1959). Lên học trường mới chúng tôi lại chia năm xẻ bảy ít được ngồi cùng lớp vì mỗi tháng theo học một ban. Những thằng mang “sức danh” suốt năm của lớp 4B1 Nguyễn Trãi tan tác vào lớp mới như Thành Típ, Cát càrem, Quyền thuốc lào, Thảo nam sơn Dương Hồng Quân, Ru xích lô máy, Dương Càn, Hiền A, Hiền B v.v... Chẳng còn được ngồi chung một lớp. Tuy là xa lạ ở lớp mới mà chẳng mấy chốc đã thân quen như Trần Lam Giang, Đỗ Phan Hạnh, Đào Thiện Tuyền, Ngô Văn Hè – Trần Quang Kiệt, Đoàn La – Phạm Quốc Đăng v.v... Duy có Nguyễn Văn Quyên là tôi không thấy nữa trong suốt thời gian học ấy. Tôi nghĩ chắc “ngài” đã ngày ngày xoi thịt bò bít tết cho lên cân để thỏa chí tang bồng rồi.

Bốn năm sau, có lẽ đó là tháng 6 năm 1964, sau khi làm thủ tục ở Quân vụ Thị Trấn đường Lê Văn Duyệt (nay là CMT8) nhập khóa 18 SQTĐ/TĐ. Tôi và “các đồng đội” tương lai được dồn lên các xe cam- nhông chở thẳng lên trại nhập ngũ số 3 ở Trung tâm Huấn luyện Quang Trung. Ngồi trên xe, tôi nhìn thấy cảnh đưa tiễn của một số bạn trước khi xe chạy, lại băng khuâng nhớ lời thơ giáng buồn

bã của thầy Cương qua mấy câu thơ chữ Hán, trong bài ***Trường Tương Tư*** của Lương Ý Nương:

*Quân tại Tương Giang đầu
Thiếp tại Tương Giang Vỹ
Đồng âm Tương giang thủy
Tương tư bất tương kiến*

Để minh họa cho cảnh nhớ nhung giữa người chinh phu và chinh phụ. Và quả thật khi xe chạy, bụi cuốn bay lên, con đường Lê Văn Duyệt nào có khác gì dòng Tương Giang nọ.

Dưới ánh nắng gay gắt của buổi giao mùa, mái tôn của các doanh trại phản chiếu lên bầu trời màu sáng bạc, từ xa đã nhìn thấy. Và đoàn xe từ từ vào cổng, lọt qua bao nhiêu hàng rào kẽm gai. Cổng doanh trại đóng lại. Con đường xe vừa chạy từ Sài Gòn lên Trung Chánh cũng như đi vào dĩ vãng, các doanh trại được chia ra thành từng tiểu đoàn. Nơi đây tràn ngập lính, một màu xanh bát ngát. Quần áo, giày dép đồng màu. Đầu húi cua tât, nghĩa là chân tóc để cùng một ni tấc.

Chúng tôi được đổ xuống một doanh trại chưa có “màu áo lính”. Đây là nơi tập trung chờ đợi “quý quan tương lai” từ các tỉnh thuộc vùng 3CT về khám sức khỏe. Thời gian ở đây dài lắm cũng chỉ có 7 ngày. Nếu đủ sức khỏe thì được đưa lên Thủ Đức. Còn bệnh này, tật nọ, thiếu ký thiếu cân, điếc tai, chột mắt, lệch tinh hoàn v.v... thì chờ đợi về Tổng y viện Cộng hòa tái khám. Cái ngày chờ đợi về tái khám ít ra cũng phải vài ngày khi tân binh đủ sức khỏe đã lên đường. Sau đó mới chờ một lượt các quan tạm gọi là phé phẩm này xem có “quan” nào giả dối, đóng kịch bệnh tật không. Cũng phải thú nhận rằng có đi đi về về, nhiều khóa như tôi, mới thấy nhiều cảnh bi hài của các “đấng

nam nhi”. Trong đó tôi cũng được ghép vào thành phần các nhà sư Tây Tạng ngồi thiền không ăn uống. Đây là cái thằng tôi đã khăn gói quả mướp lên đường suốt từ khóa 18 năm 1964 đến khóa 5 năm 1968 mới “đỉnh”. Quý đồng môn thử tưởng tượng một năm có ba khóa thì tôi đã trải qua quãng thời gian như thế nào khi thì ở Quang Trung khi thì lên thẳng trường Bộ binh Thủ Đức. Nói ra thì xấu hổ, nhưng chính cái thời gian “năm khàn” chờ đợi khám ấy, tôi cũng đã học được nhiều chiêu để hoãn dịch hoặc miễn dịch. Ví như ở khóa 18 ấy; khi tôi vừa nhảy xuống xe đê xếp hàng thì chợt nghe thấy có người gọi. Tôi quay sang ngơ ngợ nhìn một lúc mới nhận ra đồng môn Nguyễn Văn Quyên. Phải có đến hơn 7 năm hai thằng không gặp nhau. Sau phần thủ tục nhập trại rồi đi lãnh đồ dùng cá nhân như chăn mền về, tôi đã thấy Quyên đợi trên lối cửa vào phòng. Hấn dẫn tôi tới chiếc giường còn trống, cạnh giường hấn. Hai thằng rủ nhau xuống căng-tin ăn trưa vì chưa quen mùi “com lính”. Hấn mời một cụ nằm dài như xác ướp ở giường kế bên đi cùng. Nhưng cụ không đi, nói: cảm ơn.

Tại căng-tin chúng tôi hỏi thăm nhau. Tôi bảo:

- Hồi ấy. Tưởng lên “núi” rồi?

- Đà Lạt lấy hình thẻ về cân ký và chiều cao “gay” lắm. Không được.

- Sao bọn mình không gặp nhau ở CVA nhỉ?

- Tớ bên A. Năm chín “ao Bắc đơ”. Buồn quá nên lên ở Đà Lạt. Mới về dạy tư ở Vũng Tàu đầu năm ngoái. Còn cậu làm gì?

- Cũng vừa đi dạy ở Thị trấn “Xôi đậu” cùng tỉnh với cậu được một năm thì bị gọi. Thế cậu có vợ con chưa?

- Sao tớ cứ bị “thất tình” liên miên. Kỳ này không trúng tuyển, tớ về lấy vợ ở Vũng Tàu cho rồi. Cô ta quê ở Mỹ Tho. Được lắm. Tớ phải làm bao nhiêu bài thơ tặng nàng mới “dính” đấy.

- Mừng cậu. Cưới nhớ mời tớ nghe. Hai thằng cách nhau có ba chục cây mà. Thế còn “ông cụ” nằm kế giường cậu...?

- À. Nhạc sĩ Phạm Mạnh Cương, tác giả bản Thu Ca nổi tiếng đấy. Ông sinh trước bọn mình năm năm, cứ bị gọi lên gọi xuống hoài nhưng đều cho về vì không đủ ký. Ông nói lần này là lần chót sẽ được miễn dịch vĩnh viễn vì bao nhiêu khóa rồi. Tặng ông vậy, làm sao vác súng được.

- Thế “ông cụ” làm gì cậu có biết không?

- À, ông là giáo sư Triết, dạy ở trường Pétrus Ký.

Tôi nghĩ, chắc ông về thôi. Thân tôi đã như lá tre mà thân hình ông còn mong manh hơn lá trúc.

Cũng phải nói là từ khi được tiếp xúc cùng nhạc sĩ họ Phạm, tôi được nghe lại giọng Huế xưa của một thời trẻ dại, lãng nhãng. Tôi cũng từng đam mê đắm đuối cái chất Huế đầy yêu ma mộng mị. Có lẽ thế, tôi và ông trở nên thân tình và thường được ông bóc cam mời tôi. Ông ăn cam nhiều hơn thực phẩm nuôi bao tử. Tôi chiêm nghiệm ra rằng đây cũng là một phép “ép xác”.

Trong những ngày đợi chờ khám sức khỏe. Ngoài các vị nằm ườn ở giường; còn phần lớn là xuống tìm bia bọt nhậu lai rai. Song cũng có đám như Quyên và tôi vác manh chiếu ra quãng đường đá sạt hàng rào, dưới tàn cây bá đậu. Chúng tôi nhìn hoàng hôn đi giật lùi trên các bãi tập mênh mông. Sau đó là thưởng thức chương trình văn nghệ “tả pí lù” hoặc thưởng thức các câu chuyện tiểu lâm. Người kể rất

vô tư mà người nghe cũng rất nhiệt tình (?). Bởi rồi ra ai cũng sẽ nằm lòng câu được mọi người tha thứ: “Lính mà!”. Cũng nơi chốn “chiều manh – đường đá” này tôi học được phép ép xác thứ hai là nếu có... vợ thì cứ... giã khòe vào trước ngày “bị gọi động viên” (xin quý đồng môn bỏ qua cho kỷ niệm có thật thời trai trẻ này nhé).

... Cuối cùng sau một tuần, xe cam-nhông chở quý **chàng trai vốn dòng bất lực** từ già trại nhập ngũ số 3 về Tổng y viện Cộng Hòa, nơi đây lại được cân đo...đong đếm ngay trước mặt các quan nhà binh được gọi là Hội đồng hoãn và miễn dịch. Nào là cân lại tinh hoàn, cân lại kí lô, nào là xem trực tiếp vì sao cụt ngón tay trở, của bàn tay phải, vì lý do gì lá phổi “đen ngòm” v.v... Cũng hôm ấy cùng với bọn tôi ra Hội đồng có chàng tuổi trẻ trong hồ sơ khai bị điếc, hai cụ sinh thành ra, phải dẫn đi. Nghe vừa gọi tới tên con, cụ ông dẫn “chàng” ra trình diện. Bỗng một tiếng keng rất nhẹ phát ra ở dưới nền bên trái, chàng vội quay đầu nhìn theo. Vị chủ tịch, mà tôi nhớ mang máng vì lâu quá, là bác sĩ Phạm Hà Thanh, xếp hồ sơ với một tiếng “ấp” khô khan, nghĩa là đủ khả năng. Đây cũng là một màn bi hài như tôi đã nói ở trên.

Một tuần sau, tôi tới Trung tâm Hoãn miễn dịch ở cuối đường Nguyễn Tri Phương gần đường Tô Hiến Thành để lãnh giấy hoãn dịch ba tháng. Tại đây, tôi mới biết Quyên là em ruột vị chỉ huy trưởng hành chánh ký các loại giấy này. Hình như Quyên được hoãn một năm và nhạc sĩ họ Phạm, tác giả bản Thu Ca được miễn dịch. Ông vừa đi cùng chúng tôi ra đường vừa nói:

- Tớ bị gọi tới chục khóa rồi. Khóa nào “cân kẹo” cũng vậy. Nay đã ba mươi mốt (ông sinh năm 1933 tại Huế), lính tráng, quan quyền gì nữa, nên cho tớ về là đúng.

Vừa tới bên hông chiếc Peugeot 203. Một thiếu phụ đẹp lộng lẫy, đẩy cửa bước ra. Nhạc sĩ chỉ vào thiếu phụ và giới thiệu với bọn tôi:

- Đây là Như Hảo, bà xã tôi. Hôm nào rảnh mời hai “cụ” tới tệt xá góc đường Hồ Xuân Hương – Bà Huyện Thanh Quan chơi.

Họ Phạm lên xe. Xe chuyển bánh. Khói xe còn thom mùi sơn phấn.

oOo

Ngày tháng trôi trong khói lửa chiến tranh mù mịt. Những năm tiếp sau năm sáu tư ấy, cứ sau ba tháng hoãn dịch, tôi lại lên đường khi thì Thủ Đức, khi lại về Trung tâm nhập ngũ số 3. Ròng rã các năm 65 – 66 – 67, ròng rã các khóa 19 rồi 21, 22, 23, 24. Mòn mỏi đi về. Và các lần sau ấy, tôi đều đến Trung tâm 3 Quản trị đã đổi về đường Tô Hiến Thành lãnh giấy. Biểu tượng ngoài cổng của Trung tâm này là một chòi gác rất cao xây từ thời còn là doanh trại của Pháp. Người Sài Gòn gọi nôm na là “chuồng cu”. Sau năm 1975 cái biểu tượng để tôi dễ tìm ấy không còn nữa. Bởi doanh trại đã là nhà. Những cây me cổ thụ, tàn che rợp bóng nắng cũng chết theo thời cuộc.

Ngày tháng cũng trôi trong tuổi đời của chúng tôi đầy hao hụt. Đầy những nghi ngờ thù hận. Chúng tôi nằm trong bàn tay và mưu toan buôn bán của bọn bất lương. Cứ thế năm nối năm. Tin buồn này nối tin buồn nọ của Hợp, của Thiều, của Kiệt và có lẽ còn bao nhiêu đồng môn nữa, mà tôi chưa biết mặt biết tên. Năm sáu ba tôi còn Vương mộng Hồng. Bấy giờ nó cao to, đen sạm gần như hòa cùng màu mũ đỏ. Thuở mới vào Nam, nó ở Mỹ Thọ rồi Vũng Tàu. Còn gia đình định cư tại ngôi nhà “dã chiến” làm bằng gỗ,

phân từng ô trên khu đất ngay ngã ba Phan Thanh Giản – Nguyễn Thiện Thuật, sau gọi là Cư xá Nguyễn Thiện Thuật. Chỉ mùa hè chúng tôi mới gặp nhau ở Sài Gòn. Chúng tôi gọi bố mẹ Hồng là cậu mợ như Hồng. Ngày ấy bữa cơm chỉ có hai trái hột vịt hoặc chiên hoặc bác cùng một giá rau muống luộc mà sao ngon thế. Chúng tôi nhai rau như trâu và húp nước rau muống như voi. Rồi Hồng mất. Tôi ở xa chẳng có ai báo tin. Mấy năm sau trở về. Trên bàn thờ nhà Hồng đã thêm hai bát nhang. Một của cụ Vương Đình Cư là thân phụ và của Vương Mộng Hồng cùng khóa Đà Lạt với Hoàng Thụy Long, Đào Thiện Tuyển.

Đưa em trai kế của Hồng là Vương Dương Minh, hồi đó kém bọn tôi ngót mười tuổi, giờ cũng đã bạt ngàn vùng A Lưới. Cửa ra vào loang buồn khép kín.

Còn tôi, kể từ khóa 18 năm sáu tư ấy cứ đi rồi lại về. Về rồi lại đi. Trải qua khóa 21, rồi khóa 23... lủi thủi đi về. Đây là những năm sáu lăm, sáu sáu chỉ ăn nằm ngay tại Thủ Đức có vài ngày. Thẳng ở, thẳng về chóng vánh, không bày vẽ như trước vì chiến tranh đang ùng ục như nổi cám heo.

Và rồi cái năm Mậu Thân sáu tám ấy. Kể trước người sau chẳng còn có truyện miến, hoãn gì nữa. Cuối tháng sáu, tôi lại trở về điểm đến đầu tiên năm sáu bốn. Nếu đủ sức khỏe thì khoác áo lính tập ngay tại đây. Giai đoạn một học 9 tuần như người lính trận. Và nếu đủ điểm sẽ học tiếp giai đoạn hai ở Thủ Đức để làm quan – bằng không thì ra Nha Trang học tại Đồng Đế. Ra trường đeo “cánh gà”. Dù có tú tài, cử nhân cũng thế thôi.

Quả nhiên ở khóa 5/68 này các vị “Fakir ép xác” từng thoát bao nhiêu khóa như tôi đều “dính” cả. Chúng tôi có

tổng cộng hơn bảy trăm vị hầu hết đều là giáo chức công, tư và được xếp chung vào Tiểu đoàn Trần Quốc Toàn. Nhiều vị như tôi khoác khẩu garat thấy súng và người chỉ hơn nhau vài tấc. Nó nặng ít ra cũng hơn 3 kí (?) thế mà khi nghe hô: “Súng trên tay, chạy đều bước”, cũng quên cả cái nặng mà chạy cùng nhau.

Tôi cũng quên chưa nhắc tới là khóa này, tôi lại gặp lại Quyên. Quyên bảo tôi:

- Tuấn vừa mất ở Khe Sanh. Cậu biết Tuấn chứ?

- Biết sơ sơ, nghe đâu hẳn là anh ruột của Nghiêm Sĩ Anh, học với bọn mình...

- Đúng rồi Nghiêm Sĩ Anh đang dạy ở Quảng Ngãi.

Ở khóa này tôi có thêm một cụ đồng môn nữa là Nguyễn Hải Bằng – nàng Chimel trong Le Cid thường đóng chung cùng chàng Rodrique Hiền B trong giờ Pháp văn của thầy Hối. Bằng đang dạy triết ở Đoàn Thị Điểm Cần Thơ. Ba chúng tôi chiếm hai giường gần sát nhau, kết hợp với Bùi Lê Lý là đủ bốn mạng. Tôi và Bằng nhẹ ký nhất nên được nằm tầng trên. Ba tuần sau, vào buổi chiều xả trại; bỗng lù lù tên quan ba Nguyễn (Văn) Nhạc và quan hai Thành Típ mò tới thăm. Chúng tôi ra trường, xa nhau có tới gần mười năm vẫn mà y tao riu rít. Thời đi học Nguyễn Văn Nhạc hiền như đất. Chúng tôi thường gọi là Nguyễn Nhạc. Hẳn ở bên quân nhu gì đó nên nhàn nhã. Còn Típ ta bởi thời trai trẻ có bằng Judo, đai nọ đai kia nên tối ngày cùng lính cận chiến ngoài bãi nắng cũng như mưa, mắt nó càng “híp” thêm! Trong lúc tán chuyện, Típ hỏi:

- Bọn mày còn nhớ thằng Trần Trí Vượng không?

Tôi bảo:

- Ông “Cent mètres¹” chứ gì?

- Ủ, ông ấy đấy. Khi bọn mày vừa nhập khóa thì ông ấy khấn gói “quả mướp” ra Đồng Đé. Tụi mày biết gì không?

- Chuyện gì? Quyên đứng dậy, chống nạnh kiêu “sĩ quan tương lai” hỏi Típ. Típ văng tục:

- ĐM. Nó học 9 tuần thì tao phải xuống Tiểu đoàn nó xin đặc cách “cõng” nó về thăm nhà hết 7 tuần. Tụi mày học làm quan thì còn có phép mỗi tuần vào thứ bảy. Chứ “ông cụ” này thì xong ở đây là A lê hấp lên tàu trực chỉ Đồng Đé. Phép tắc cuối tuần con mẹ gì?

- Vậy là nó nhờ “ơn quan”...

- On con mẹ gì. Tao không phục vụ nó như thế thì bỏ mẹ đời tao... với bạn bè.

Quan ba Nhạc và ba thằng tôi nhìn Típ chờ đợi nó giải thích. Quả nhiên nó buông câu chửi thề lấy giọng:

- ĐM. Số tao xui. Đáng lẽ hôm đó là hôm tao nghỉ, nhưng vị huấn luyện viên dạy cận chiến Đại đội thắng Vượng nghỉ, nên tao được phân công thế. Tao ra bãi tập sớm, đứng “rít” thuốc chờ cán bộ đại đội tập trung quân vào. Bỗng tao nghe thấy tiếng gọi “Típ! Típ!” trong đội quân ấy đi qua. Tao nhận ngay ra “ông Xăng-mét” nhà mình. Tao cười thầm trong bụng và nhủ: “Chốc nữa tao sẽ cho mày hít đất, xịt khói ra chơi. Rồi bắt mày chạy quanh bãi, vừa chạy vừa la “Típ! Típ!” xem mày chạy được mấy vòng?”.

- Thế mày có hành nó thật không?

¹ Sức danh của Trần Trí Vượng, đạt giải vô địch chạy 100m.

- Hành nó chơi chứ. Tao gọi cán bộ đại đội bảo: Trung sĩ cho “ông bạn” vừa kêu Típ Típ phá kỷ luật đại đội đang di chuyển, lên trình diện và cho hít đất 50 cái.

- Tuân lệnh.

Thằng Xăng-mét rời Đại đội bước lên trước mặt tao, giơ tay chào, báo cáo tên và số quân... Tao nghiêm mặt coi như không quen biết và chào lại. Rồi tao quay sang bảo Trung sĩ cán bộ:

- Cho thi hành lệnh.

Nhìn nó hít đất, lên xuống như không, tao phải khâm phục... Rồi không nỡ cạ “tàu ráo máng với bạn bè”, tao bảo cán bộ cho nghỉ.

Nó đứng dậy. Mặt vênh lên với tao, miệng báo cáo đã thi hành xong kỷ luật.

Chiều hôm ấy, tao phải mò xuống trại kiểm nó. Vừa thấy tao mở miệng gọi. Nó kéo dài giọng mỉa mai:

- Dạ, em là lính đâu dám quen các quan...

Tao nói với nó:

- Mày tha cho tao đi, đừng giận nữa, giữa chốn ba quân mà mày kêu thế thì bố thằng nào làm việc được... Rồi tao quay sang hỏi chuyện tào lao cho nó quên giận như làm gì? Vợ con chưa? Nó có vẻ thông cảm cái việc tao phải làm buổi chiều ở bãi tập. Hai thằng xuống căng-tin làm vài chai bia rồi chia tay. Thế rồi cứ chiều thứ bảy, tao lại xuống đại đội nó, xin đặc cách chở ông ấy về tận nhà. Cũng là “một chiều” để tạ lỗi đã hành ông ấy hít đất... Bây giờ chắc ông ấy đang trầy da tróc vảy ở Đồng Đế – Nha Trang rồi.

Nơi đây cũng thế. Nắng mưa là chuyện quá bình thường của đời lính. Tất cả cách giết người từ xa đến gần

dù là bên này hay bên kia, người lính đều được học, nào bò hỏa lực, leo dây tử thần, kích đêm đài phát tuyến, hành quân dã chiến v.v... đủ chín tuần, rồi thì người lính hôm nay dù ở phe nào cũng đều là hình ảnh người chinh phu của muôn đời:

*... ”Chàng từ đi vào nơi gió cát
Đêm trăng này nghỉ mát nơi nao...
Xưa nay chiến địa nhường bao
Nội không muôn dặm siết bao dãi dầu”² ...*

Trong một tác phẩm vẫn còn nguyên giá trị mà gọi theo thời thượng là đầy chất “phản chiến”, nó hơn hẳn mấy bài hát nhặng cuội rên rỉ hàng ngày trong các phòng trà của bọn no cơm rủng mỡ. Và thậm chí hát cả trên đài phát thanh, trong cả các buổi mệnh danh là “đi ủy lạo các chiến sĩ ở tiền đồn...” khác hẳn với giọng đầy hào khí của một ông bạn nào đó, nằm ở cuối phòng ngâm bài “Lương Châu Từ” vào chiều chủ nhật của tuần lễ thứ 8 theo lời phóng tác của ông:

*Rượu bỏ đào, hê ai chẳng biết
Chén dạ quang, hê tăng độ say
Hỏi ai không muốn uống
Nhưng trống giục lên đường, hê hỏi hã
Vó ngựa đập bụi mù. Hê đợi chủ
Chiến địa đang chờ...
Máu đổ đầu rơi
Áo quần tôi tả
Đầu tóc rối bời
Kẻ sống sót tu bầu rượu nhạt
Hê cũng say!
Vẽ vời dạ quang mỹ tửu bỏ đào*

² Chinh Phụ Ngâm Khúc, Đoàn Thị Điểm dịch

*Hề khách sáo!
Chinh chiến xưa nay
Mấy kẻ về!³*

Lời thơ vừa ngâm dứt, tiếng vỗ tay cổ vũ còn dang dở thì bỗng một “cụ lính” sắp mãn khóa 9 tuần đứng uy nghi trên mặt giương đôi, cất giọng sang sảng ngâm bài “Tổng biệt hành” của Thâm Tâm. Lời thơ đầy hào khí mà buồn. Tiếc thay không có tiếng sáo của Tô Kiều Ngân đệm cho buổi văn nghệ tự phát này. Nhận xét ấy, đúng như ý Nguyễn Văn Quyên. Hấn bảo: Mình mà có đàn Hạ uy cầm ở đây sẽ đệm cho buổi ngâm thơ này chắc còn hay hơn ban Tao Đàn của Đinh Hùng. Tôi biết Quyên yêu văn nghệ, thích làm thơ, có ngón đàn Hạ uy cầm rất ngọt. Nhưng thơ của Quyên làm thiếu sáng tạo, ảnh hưởng nặng nề của thơ tiền chiến, không phát huy được tư tưởng mới, ngôn từ mới nào cả. Trong suốt 9 tuần, Quyên đưa cho tôi đọc đến gần hai mươi bài. Phần lớn đều là thơ tình, quanh đi quẩn lại về một người con gái nào đó mà Quyên yêu từ hồi còn đi học... Chàng thì mười tám... nàng thì mười lăm, mười sáu gì đó v.v...

Rồi thì cũng như Quyên với mối tình đầu tan vỡ, tan như bọt xà phòng. Khóa học của chúng tôi cũng kết thúc, nghĩa là cũng tan hàng.

Trong bốn tháng chúng tôi, sau lễ mãn khóa 5/68 còn được gọi là khóa 522 (Giáo chức) với 747 vị “sĩ quan binh nhì” học xong giai đoạn một thì chỉ có tôi và Bằng được về.

³ Bài thơ Lương Châu Tử:

*Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi
Dục ẩm Tỳ bà mã thượng thôi
Túy ngoại sa trường quân mạc tiểu
Cổ Lai chinh chiến kỷ nhân hồi*
Vương Hán

Còn Quyên và Bùi Lê Lý tiếp tục “ác ê” ở các quân trường khác.



“SQ binh nhì” TNQ & Nguyễn Văn Quyên” khóa 5/68

Từ đó tôi và Quyên mất hút nhau. Đầu thập niên bảy mươi, trong một buổi chạy xe trên đường Cao Thắng. Trần Lam Giang đang ăn sáng, uống cà phê ở quán Hòa Mã chạy ra gọi tôi. Hai thằng cũng “mất hút” nhau giờ gặp lại. Mừng. Nó bảo ăn sáng đi. Tôi đáp ăn rồi, vậy uống cà phê. Mà làm gì mà ngồi ở đây? Tao làm ở trường Trí Đức, cách đây vài căn. Mà có “đói” thì về, tao xếp cho mấy giờ. Hôm nọ thằng Quyên gặp tao... chỗ anh em, tao cũng bảo thế. Nhưng nó từ chối vì giờ dạy ở trường Thiếu sinh quân và mấy Tư thực ở Vũng Tàu kín mít rồi... Tôi ngắt lời Giang hỏi:

- Thằng Quyên giải ngũ rồi à? Mới có hơn hai năm mà?

- Tao nghe nói đang học ở Thủ Đức. Nó và mấy vị nữa phản đối, phản chiến (!) gì đó nên được mời xuống cấp ra Đồng Đế...

- Vậy là ra “cánh gà” à? Rồi trôi dạt về đâu?

- Nó bảo về Sóc Trăng. Hơn năm sau bị mìn, nằm bên vệ đường. May có Phạm Quốc Đăng đang làm bên hành chánh nghe tin. Chở về bệnh viện. Thoát chết, sau được giải ngũ.

- Tao ở nơi khi ho cò gáy ít gặp bạn bè xưa. Còn mày ở Sài Gòn chắc gặp tụi nó thường xuyên...

- Cũng lơ thơ lơ liễu... thôi. Duy có thằng Hải thì vài tháng tao lại gặp nó ngồi ăn sáng ở đây. Đôi mắt lâu lâu lại nhìn về nhà hộ sinh Đức Chính.

- Chắc nó đưa vợ đi đẻ?

- Thì đây là cái chắc... nhưng vài tháng “ông ấy” lại ngồi đây... mắt nhìn như mọi khi. Vợ nó đẻ như gà à?

Tôi cười vì câu nói “tếu” của Giang. Nhưng chắc chắn đây không phải là một... vì cụ này từ xưa đã nổi tiếng đào hoa. Chúng tôi chia tay. Nặng nhật cuối thu lấp lánh trên mái Trường Trung học tư thực Trí Đức của Giang. Hàng cây dầu, thân cao thẳng vút. Tàn cây lâu lâu thả cánh vàng bay.

Năm năm sau, năm một chín bảy lăm, đời bọn tôi, nhiều thằng cũng đã là những chiếc lá vàng khô mục rữa.■

Ngũ Viên

(Nhớ ngày giỗ đầu bạn

Nguyễn Văn Quyên 10.11.2013)